

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Trung Lý

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 28/5/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Quyết định số 1534/QĐ-TTg ngày 11/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp cho địa phương thực hiện đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới đã triển khai năm 2026 theo Thông báo kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc áp dụng thực hiện cơ chế đầu tư theo trình tự, thủ tục dự án đầu tư công đặc biệt đối với các dự án trường nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn các xã biên giới khởi công trong năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư thực hiện 10 dự án đầu tư xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học - trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền trong năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 332/TTr-SXD ngày 05/9/2026 về việc phê duyệt dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Trung Lý (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 10695/SXD-HĐXD ngày 05/9/2026 và hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Trung Lý với các nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên dự án:** Trường nội trú liên cấp TH&THCS Trung Lý.
- 2. Địa điểm xây dựng:** Xã Trung Lý, tỉnh Thanh Hóa.
- 3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.
- 4. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa.
- 5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:**
 - Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hoá.
 - Công ty Cổ phần tư vấn khảo sát và dịch vụ trắc địa bản đồ.
- 6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Nhóm B, công trình dân dụng, cấp III, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 50 năm.
- 7. Mục tiêu đầu tư:** Nhằm nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, tạo nguồn cán bộ là người dân tộc, địa phương, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào vùng biên giới, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh.
- 8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế**

8.1. Quy mô đầu tư

Dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Trung Lý được đầu tư xây dựng tại vị trí khu đất hiện trạng trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Trung Lý và mở rộng khuôn viên bảo đảm các điều kiện phục vụ giảng dạy, học tập, nội trú, bán trú của giáo viên và học sinh. Dự án gồm các hạng mục công trình:

- Cải tạo các hạng mục công trình hiện trạng, sắp xếp công năng sử dụng phù hợp với quy mô tổng thể dự án.
- Đầu tư xây mới các công trình: Nhà lớp học lý thuyết tiểu học; nhà lớp học lý thuyết THCS; nhà lớp học bộ môn THCS; nhà đa năng; nhà công vụ; nhà nội trú, bán trú tiểu học; nhà nội trú, bán trú THCS.
- Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật gồm: Nhà vệ sinh, nhà để xe, sân nền, taluy, tường chắn, sân đường nội bộ, cổng, tường rào, nhà trực, hệ thống

cấp - thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, phòng cháy và chữa cháy, bể nước, bể xử lý nước thải,...

- Đầu tư trang thiết bị thiết yếu phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt nội trú, bán trú của giáo viên và học sinh nhà trường.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.2.1. Phá dỡ các hạng mục công trình hiện trạng

Nhà công vụ, 02 nhà nội trú 01 tầng, khu nhà vệ sinh, nhà lớp học 01 tầng, nhà ký túc xá 01 tầng, khu nhà tắm bể nước.

8.2.2. Cải tạo các hạng mục công trình hiện trạng

8.2.2.1. Hạng mục: Cải tạo nhà hiệu bộ (ký hiệu 1)

a) Hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 02 tầng, tổng diện tích sàn 942 m². Chiều cao công trình là 10,15 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,75 m, trong đó tầng 1, 2 cao 3,7 m, mái lợp tôn cao 2,0 m. Giao thông đứng trong công trình bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Nội dung cải tạo:

- Bố trí lại mặt bằng công năng công trình gồm các phòng: Hòm, giáo viên, tư vấn học đường, hiệu trưởng + tiếp khách, thiết bị giáo dục, văn phòng, truyền thông, tổ chuyên môn, đoàn đội, 02 phòng phó hiệu trưởng và các khu vệ sinh.

- Bổ sung thang sắt thoát hiểm, sơn lại toàn bộ nhà; thay cửa tại một số vị trí để phù hợp công năng cải tạo; bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy.

8.2.2.2. Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học lý thuyết tiểu học (ký hiệu số 2.1)

a) Hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 02 tầng, tổng diện tích sàn 943 m². Chiều cao công trình là 10,75 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,75 m, trong đó tầng 1, 2 cao 3,6 m, mái lợp tôn cao 2,8 m. Công trình bố trí 10 phòng học lý thuyết tiểu học. Giao thông đứng trong công trình bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Nội dung cải tạo: Sơn lại toàn bộ nhà.

8.2.2.3. Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học bộ môn tiểu học (ký hiệu số 2.3)

a) Hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 02 tầng, tổng diện tích sàn 922 m². Chiều cao công trình là 9,95 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1, 2 cao 3,6 m, mái lợp tôn cao 2,3 m. Công trình bố trí các phòng học bộ môn, chuẩn bị. Giao thông đứng trong công trình bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Nội dung cải tạo:

- Bố trí lại mặt bằng công năng công trình gồm các phòng: Học lý thuyết, bộ môn tiểu học, phòng chuẩn bị, nghỉ giáo viên.

- Sơn lại toàn bộ nhà, bổ sung cửa phòng nghỉ giáo viên.

8.2.2.4. Hạng mục: Cải tạo nhà bếp (ký hiệu số 3.3)

a) Hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 01 tầng, diện tích sàn 317 m². Chiều cao công trình là 6,05 m, cao độ nền (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1 cao 3,6 m, mái lợp tôn cao 2,0 m. Công trình bố trí khu vực bếp, phòng ăn, kho.

b) Nội dung cải tạo:

- Bố trí lại mặt bằng công năng công trình thành khu vực bếp, phụ trợ.
- Sơn lại toàn bộ nhà; sửa chữa tam cấp; bổ sung thiết bị điện, hệ thống cấp - thoát nước,... để phù hợp với công năng công trình cải tạo.

8.2.2.5. Hạng mục: Cải tạo nhà ăn (ký hiệu 3.4)

a) Hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 02 tầng, hiện trạng là nhà ký túc xá, tổng diện tích sàn 717 m². Chiều cao công trình là 9,65 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1, 2 cao 3,6 m, mái lợp tôn cao 2,0 m. Công trình bố trí các phòng ở ký túc xá. Giao thông đứng trong công trình bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Nội dung cải tạo:

- Bố trí lại mặt bằng công năng công trình thành các phòng ăn, khu vệ sinh.
- Lát lại nền nhà tại một số vị trí; phá dỡ và xây mới tường ngăn tại một số vị trí, sơn lại toàn bộ nhà; sửa chữa tam cấp; bổ sung, thay thế một số cửa, thiết bị điện, hệ thống cấp - thoát nước,... để phù hợp với công năng công trình cải tạo. Bổ sung hành lang cầu sang nhà bếp.

8.2.3. Các hạng mục công trình xây mới

8.2.3.1. Hạng mục: Nhà lớp học lý thuyết tiểu học (ký hiệu 2.2)

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 03 tầng, tổng diện tích sàn 1.347 m². Chiều cao công trình là 14,25 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1÷3 cao 3,6 m, mái lợp tôn. Công trình bố trí các phòng học lý thuyết tiểu học, nghỉ giáo viên, thiết bị giáo dục và các phòng vệ sinh. Giao thông đứng trong công trình bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng móng cọc khoan nhồi; đài cọc, dầm liên kết giữa các đài cọc BTCT, tường móng xây gạch, giằng tường BTCT. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT.

c) Các giải pháp kỹ thuật công trình: Cấp điện, điện nhẹ, chống sét, cấp - thoát nước, phòng cháy chữa cháy được thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.3.2. Hạng mục: Nhà lớp học lý thuyết THCS (ký hiệu 3.1)

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 04 tầng, tổng diện tích sàn 2.415 m². Chiều cao công trình là 17,95 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1÷4 cao 3,6 m, mái lợp tôn. Công trình bố

trí các phòng học lý thuyết THCS, nghỉ giáo viên, thiết bị giáo dục và các phòng vệ sinh. Giao thông đứng trong công trình bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng móng cọc khoan nhồi; đài cọc, dầm liên kết giữa các đài cọc BTCT, tường móng xây gạch, giằng tường BTCT. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT.

c) Các giải pháp kỹ thuật công trình: Cấp điện, điện nhẹ, chống sét, cấp - thoát nước, phòng cháy chữa cháy được thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.3.3. Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn THCS (ký hiệu 3.2)

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 03 tầng, tổng diện tích sàn 1.925 m². Chiều cao công trình là 17,95 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1÷3 cao 3,6 m, mái lợp tôn. Công trình bố trí các phòng học lý thuyết, bộ môn THCS, thư viện và các phòng vệ sinh. Giao thông đứng trong công trình bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng móng cọc khoan nhồi; đài cọc, dầm liên kết giữa các đài cọc BTCT, tường móng xây gạch, giằng tường BTCT. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT.

c) Các giải pháp kỹ thuật công trình: Cấp điện, điện nhẹ, chống sét, cấp - thoát nước, phòng cháy chữa cháy được thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.3.4. Hạng mục: Nhà đa năng (ký hiệu 4.1)

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước (20,3 x 30,0) m. Chiều cao công trình 10,55 m, cao độ nền (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m. Mặt bằng bố trí không gian tập đa năng, sân khấu, kho dụng cụ, y tế, thay đồ, vệ sinh.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng móng cọc khoan nhồi; đài cọc, dầm liên kết giữa các đài cọc BTCT, tường móng xây gạch, giằng tường BTCT. Phần thân sử dụng giải pháp kết cấu khung cột BTCT chịu lực, sàn phụ BTCT, hệ vì kèo thép hình, gác xà gỗ lợp mái tôn.

c) Các giải pháp kỹ thuật công trình: Cấp điện, chống sét, cấp - thoát nước, phòng cháy chữa cháy được thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.3.5. Hạng mục: Nhà công vụ (ký hiệu 4.2)

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 04 tầng, tổng diện tích sàn 1.810 m². Chiều cao công trình là 16,85 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1÷4 cao 3,6 m, mái lợp tôn. Công trình bố trí các phòng công vụ giáo viên. Giao thông đứng trong công trình sử dụng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng móng cọc khoan nhồi; đài cọc, dầm liên kết giữa các đài cọc BTCT, tường móng xây gạch, giằng tường BTCT. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT.

c) Các giải pháp kỹ thuật công trình: Cấp điện, điện nhẹ, chống sét, cấp - thoát nước, phòng cháy chữa cháy được thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.3.6. Hạng mục: Nhà nội trú, bán trú tiểu học (ký hiệu 4.3)

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 04 tầng, tổng diện tích sàn 4.558 m². Chiều cao công trình là 18,1 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1÷4 cao 3,6 m, mái lợp tôn. Công trình bố trí các phòng nội trú, bán trú tiểu học, quản lý, sinh hoạt chung, y tế, mượn trả đồ. Giao thông đứng trong công trình sử dụng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng móng cọc khoan nhồi; đài cọc, dầm liên kết giữa các đài cọc BTCT, tường móng xây gạch, giằng tường BTCT. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT.

c) Các giải pháp kỹ thuật công trình: Cấp điện, điện nhẹ, chống sét, cấp - thoát nước, phòng cháy chữa cháy được thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.3.7. Hạng mục: Nhà nội trú, bán trú THCS (ký hiệu 4.4)

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 04 tầng, tổng diện tích sàn 4.979 m². Chiều cao công trình là 18,1 m, cao độ nền tầng 1 (± 0.00) cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1÷4 cao 3,6 m, mái lợp tôn. Công trình bố trí các phòng nội trú, bán trú THCS, quản lý, sinh hoạt chung, y tế, mượn trả đồ. Giao thông đứng trong công trình sử dụng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng móng cọc khoan nhồi; đài cọc, dầm liên kết giữa các đài cọc BTCT, tường móng xây gạch, giằng tường BTCT. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT.

c) Các giải pháp kỹ thuật công trình: Cấp điện, điện nhẹ, chống sét, cấp - thoát nước, phòng cháy chữa cháy được thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.4. Hạ tầng kỹ thuật

8.2.4.1. San nền: Giữ nguyên cao độ hiện trạng khu vực các công trình hiện trạng; khu vực mở rộng được chia làm các cấp cao độ đảm bảo kết nối với khu vực hiện trạng. San nền theo phương pháp đường đồng mức, hướng dốc san nền theo hướng Đông và hướng Bắc. Khối lượng san nền được tính theo phương pháp lưới ô vuông.

8.2.4.2. Mái taluy:

- Taluy dương: Gia cố mái bằng các khung BTCT, tấm ốp mái BTCT có các lỗ trồng cỏ, trên các cơ bố trí rãnh BTXM để dẫn nước sang hai phía và thu về hệ thống thoát của mặt bằng. Gia cố chân taluy bằng tường chắn BTXM.

- Taluy âm: Phần nền đắp được gia cố tường đất bằng lưới địa kỹ thuật kết hợp trồng cỏ; phía ngoài các lớp vải địa gia cố bằng lưới thép mạ kẽm, bọc PVC.

8.2.4.3. Tường chắn, bậc lên xuống, đường dốc: Bố trí tường chắn trọng lực BTXM tại các vị trí chênh cao độ trong phạm vi mặt bằng, trên đỉnh bố trí giằng kết hợp rãnh đỉnh tường tiết diện hình thang, phía sau tường bố trí tầng lọc ngược và lỗ thoát nước qua tường. Bố trí bậc lên xuống, đường dốc để đảm bảo tiếp cận tại các vị trí chênh cao độ.

8.2.4.4. Sân, đường nội bộ, bồn hoa: Nền sân, đường nội bộ được đầm nén; mặt đường bằng BTXM kết hợp mặt sân lát gạch Terrazzo; bồn trồng cây có thành bằng BTXM, đất màu trồng cây xanh, thảm cỏ tạo trồng hoa cảnh quan.

8.2.4.5. Cấp điện, trạm biến áp, chiếu sáng: Xây dựng mới trạm biến áp, nguồn cấp từ đường dây trung thế đã được Điện lực Mường Lát thỏa thuận đấu nối về trạm biến áp của dự án. Từ tủ điện hạ thế trạm biến áp đến tủ điện tổng từng hạng mục công trình trong dự án bằng cáp hạ thế đi ngầm trong rãnh cáp. Làm mới hệ thống chiếu sáng ngoài nhà; sử dụng đèn cao áp; đường cáp điện đi ngầm.

8.2.4.6. Cấp nước: Sử dụng từ nguồn nước suối/mỏ tự nhiên trong khu vực và hệ thống giếng khoan đảm bảo nhu cầu sinh hoạt theo tính toán; bố trí bể chứa, bể lọc, máy bơm và hệ thống đường ống cấp nước đến các khu nhà.

8.2.4.7. Thoát nước mưa: Nước mưa được chảy tủa, thu về các hố ga qua các cửa thu vào hệ thống rãnh xây đầy nắp và hệ thống cống tròn BTCT sau đó thoát qua hệ thống thoát nước khu vực.

8.2.4.8. Thoát nước thải: Nước thải sử dụng hệ thống thoát nước riêng, độc lập với thoát nước mưa. Nước thải từ các hạng mục công trình được xử lý cục bộ tại các bể tự hoại sau đó thu gom bằng đường ống HDPE D200 kết hợp hố ga về bể xử lý nước thải của trường, xử lý đạt tiêu chuẩn sau đó đấu nối với hệ thống thoát nước khu vực.

8.2.4.9. Hệ thống phòng cháy chữa cháy ngoài nhà gồm các trụ nước chữa cháy ngoài nhà, trụ tiếp nước chữa cháy ngoài nhà, hộp đựng lăng vòi; nước cấp cho hệ thống từ bể nước ngầm bằng đường ống đi ngầm.

8.2.4.10. Đường kết nối từ cổng trường đến Quốc lộ 15C: Mặt đường bê tông xi măng, hai bên bố trí hè đi bộ. Bố trí hệ thống biển chỉ dẫn, báo hiệu an toàn giao thông theo quy định.

8.2.5. Các hạng mục phụ trợ

- Nhà vệ sinh học sinh (ký hiệu 3.5): Công trình có quy mô 01 tầng. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT dưới cột, móng băng đá học kết hợp dầm BTCT dưới tường. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT.

- Nhà để xe giáo viên, học sinh (ký hiệu NX1, NX2, NX3): Các công trình có quy mô 01 tầng. Phần thân sử dụng hệ cột, vì kèo thép ống, xà gồ thép hình, mái lợp tôn. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT chôn sẵn bu lông liên kết với bản mã chân cột.

- Các hạng mục phụ trợ khác: Bể nước, nhà bơm, bể xử lý nước thải, công tường rào, nhà trục, sân thể thao,... được thiết kế đồng bộ kèm theo.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở).

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 10695/SXD-HĐXD ngày 05/9/2026.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 376.711.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí GPMB	:	4.014.488.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	279.791.905.511	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	25.782.302.310	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	4.960.346.665	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	14.544.527.596	đồng;
- Chi phí khác	:	2.518.435.999	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	45.099.232.827	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Số bước thiết kế: 02 bước.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác thực hiện giải phóng mặt bằng và đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật có liên quan ngoài hàng rào dự án.

14. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa).

15. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 10695/SXD-HĐXD ngày 05/9/2026.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; tiếp thu, thực hiện đầy đủ các nội dung được nêu tại khoản 2 Mục VII Công văn số 10695/SXD-HĐXD ngày 05/9/2026 của Sở Xây dựng; phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ trong các bước tiếp theo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định và tiến độ thực hiện dự án đầu tư công đặc biệt.

3. Giao Chủ đầu tư trực tiếp làm chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Chủ tịch UBND xã Trung Lý; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Đảng ủy xã Trung Lý;
- Lưu: VT, THĐT_{Hùng}, KTTC_{Trường},
NNMT_{Đăng}, CNXD_{TM}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dự án: Trường nội trú liên cấp TH&THCS Trung Lý
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG			4.014.488.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	254.356.277.737	25.435.627.774	279.791.905.511
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	23.817.067.503	1.965.234.807	25.782.302.310
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	4.960.346.665		4.960.346.665
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	13.467.155.182	1.077.372.415	14.544.527.596
1	Chi phí lập khảo sát, lập QH tổng mặt bằng 1/500	220.828.704	17.666.296	238.495.000
2	Chi phí khảo sát, lập QH tổng mặt bằng 1/500 điều chỉnh	297.683.333	23.814.667	321.498.000
3	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	2.110.959.259	168.876.741	2.279.836.000
4	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	41.141.889	3.291.351	44.433.240
5	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	140.370.370	11.229.630	151.600.000
6	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán	5.098.874.072	407.909.926	5.506.783.998
7	Chi phí thẩm tra thiết kế	263.429.162	21.074.333	284.503.495
8	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	253.297.271	20.263.782	273.561.053
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.753.865.561	300.309.245	4.054.174.806
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	166.719.473	13.337.558	180.057.030
11	Chi phí giám sát khảo sát	55.171.272	4.413.702	59.584.974
12	Chi phí thí nghiệm chuyên ngành	462.962.963	37.037.037	500.000.000
13	Chi phí tư vấn thẩm định giá	324.074.074	25.925.926	350.000.000
14	Chi phí tư vấn khác	277.777.778	22.222.222	300.000.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	2.428.015.081	90.420.918	2.518.435.999
1	Chi phí bảo hiểm công trình	221.691.471	17.735.318	239.426.789

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Chi phí rà phá bom mìn	290.000.000		290.000.000
3	Chi phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	7.926.425		7.926.425
4	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	78.268.857		78.268.857
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	74.216.101		74.216.101
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	307.255.000		307.255.000
7	Chi phí kiểm toán độc lập	908.570.000	72.685.600	981.255.600
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình XD	187.693.278		187.693.278
9	Chi phí thẩm định phê duyệt thiết kế PCCC	2.393.950		2.393.950
10	Chi phí nghiệm thu đóng điện	200.000.000		200.000.000
11	Chi phí đấu nối hạ tầng kỹ thuật	150.000.000		150.000.000
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			45.099.232.827
1	<i>Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh</i>			33.161.200.608
2	<i>Dự phòng cho yếu tố trượt giá</i>			11.938.032.219
	TỔNG CỘNG (làm tròn):			376.711.000.000